

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình phát triển tài sản
trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 14/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 3 năm
2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương
trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;*

*Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương
trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm
tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức
chi thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn
2017-2020.**

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.
3. Đối với các nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

4. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nội dung và mức chi thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020 và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ nâng cao nhận thức, năng lực tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ

1. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tài sản trí tuệ: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tài sản trí tuệ; biên soạn, phát hành tài liệu về tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND.

4. Hỗ trợ kinh phí để thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, các gói thông tin sở hữu trí tuệ chuyên ngành; xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (*theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 70% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ*).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác: Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 50% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và bảo vệ tài sản trí tuệ

1. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với các sản phẩm, dịch vụ, ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực của tỉnh, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới:

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn.

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/đơn.

c) Đối với giống cây trồng mới: Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn.

2. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với các sản phẩm, dịch vụ là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực của tỉnh, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới.

Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng/đơn; phần kinh phí còn lại (*nếu có*) do tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình tự trang trải.

3. Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; áp dụng sáng chế của Việt Nam, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ tại Việt Nam, áp dụng giống cây trồng mới: Mức hỗ trợ theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hỗ trợ kinh phí triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ: Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 50% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

5. Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm hại quyền sở hữu trí tuệ.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (*điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ*); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (*trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài*

liệu và các chi phí khác liên quan). Mức hỗ trợ theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

Điều 4. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển tài sản trí tuệ

1. Hỗ trợ kinh phí cho nhiệm vụ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác cho các tài sản trí tuệ của tỉnh ở trong và ngoài nước; khai thác, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; thương mại hóa tài sản trí tuệ.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (*theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 70% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ*).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác: Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 50% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Hỗ trợ kinh phí định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ (*tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu của các doanh nghiệp*). Mức hỗ trợ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 50% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng các tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo cá nhân được hình thành từ thực tiễn

1. Hỗ trợ kinh phí tư vấn, hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho cá nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật và các thành quả sáng tạo khác đã được các tổ chức, hiệp hội hoặc cấp có thẩm quyền công nhận; hoàn thiện, khai thác, áp dụng các tài sản trí tuệ và thành quả sáng tạo, đặc biệt là các tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo cá nhân có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng. Mức hỗ trợ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng do cấp tỉnh tổ chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 6. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình

1. Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh theo dự toán được phê duyệt.

2. Chi tư vấn xác định, đặt hàng nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức áp dụng, phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia tư vấn (*nếu cần thiết*) về các nội dung, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình quản lý và tổ chức triển khai Chương trình. Mức chi theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi điều tra, khảo sát để xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm chỉ đạo và tổ chức triển khai Chương trình: Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

4. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND.

5. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (*tiền điện, nước, thông tin liên lạc*): Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

6. Chi đoàn ra, đoàn vào: Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND.

7. Chi mua sắm trang thiết bị văn phòng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

8. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động chung của Chương trình:

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng